TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 8 năm 2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà.

Các *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Lê Bảo Trúc; bà Cao Thị Phương Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Tiên - Thư ký Tòa án nhân khu vực 14 – An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – An Giang tham gia phiên tòa*:** Không.

Ngày 30 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 93/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Néang K, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp P, xã Ô, tỉnh An Giang, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Chau Sóc V, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp P, xã Ô, tỉnh An Giang, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Néang K trình bày: Bà và ông Chau Sóc V trước đây tự nguyện quen biết, sống chung như vợ chồng, có tổ chức đám cưới nhưng cả hai không có đăng ký kết hôn. Bà Neáng K1 và ông Chau Sóc V có 02 con chung là cháu Chau S, sinh ngày 29/5/2004 và cháu Neáng Som R, sinh ngày 10/3/2007 đều trưởng thành và có khả năng lao động. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, nhưng về sau xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã về kinh tế, chăm sóc con, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình. Hiện tại bà K1 và ông V đã chấm dứt cuộc sống chung từ năm 2011 cho đến nay, mỗi người đã có cuộc sống riêng, nên bà K1

yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Chau Sóc V. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai tại Tòa án, bị đơn ông Chau Sóc V trình bày: ông Chau Sóc V và bà Neáng K1 trước đây tự nguyện quen biết và cùng nhau sống chung như vợ chồng, hôn nhân có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Cả hai có 02 con chung, đều trưởng thành. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã về kinh tế, chăm sóc con, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình. Trước đây đã nhiều lần vợ chồng cùng nhau nói chuyện để hàn gắn nhưng đều không thành. Hiện tại cả hai đã không còn chung sống từ năm 2011 cho đến nay. Nay ông V cũng đồng ý ly hôn với bà K1. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Néang K và bị đơn ông Chau Sóc V cùng có đơn xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Chau Sóc V có đăng ký thường trú tại ấp P, xã Ô, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện khu vực 14 – An Giang thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[2] Về nội dung vụ án: Giữa bà Néang K và ông Chau Sóc V chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, thì *"Nam, nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng"*. Do đó, trường hợp hôn nhân của bà Néang K và ông Chau Sóc V sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên không được công nhận là quan hệ vợ chồng. Từ đó, không có cơ sở giải quyết ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Néang K và ông Chau Sóc V theo quy định khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: Chau Som, sinh ngày 29/5/2004 và cháu Neáng Som R, sinh ngày 10/3/2007, hiện các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Néang K khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân

sự hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Chau Sóc V không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố không công nhận bà Néang K và ông Chau Sóc V là vợ chồng.

[2] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Néang K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0000716 ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 14 – An Giang, bà Néang K đã nộp đủ án phí, ông Chau Sóc V không phải chịu án phí.

[3] Về quyền kháng cáo, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 14 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 14 – An Giang;
- UBND xã Ô Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Ngọc Hà